

Bản án số: 61/2024/DS-ST

Ngày: 20/5/2024.

V/v: “*Tranh chấp tiền góp hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Thu Nga.

Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 282/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp tiền góp hụi*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-DS ngày 08/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NTH, sinh năm: 1976 - (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: TTMA, sinh năm: 1985 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 3, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không hòa giải được tại Tòa án nguyên đơn bà NTH trình bày: Năm 2022, 2023 bà H làm chủ hụi, bà A là hội viên tham gia 02 dây hụi. Cụ thể 02 dây hụi bà A tham gia như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 10/9/2022 với tổng số hội viên là 20 người, số tiền mỗi hội viên đóng 01 tháng là: 3.000.000Đ (Ba triệu). Hình thức đóng tiền là đóng vào ngày 10 hàng tháng, số tiền đóng hàng tháng tùy thuộc vào người hốt hụi trước (Gọi là hụi chết) thì phải đóng phần tiền lãi mà người hốt hụi trước đã thống nhất với các hội viên còn lại. Số tiền đóng hàng tháng bà H có ghi vào sổ theo dõi, nhưng các hội viên không ký tên xác nhận.

Dây hụi này bà A hốt hụi vào ngày 13/3/2023, với số tiền là 46.790.000Đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi ngàn). Số tiền này bà H giao tiền mặt cho bà A 39.790.000Đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ngàn), chuyển khoản qua Ngân hàng 7.000.000Đ (Bảy triệu). Khi giao tiền mặt cho bà A hai bên không làm giấy tờ gì.

Dây hội này sau khi hốt hội xong bà H phải đóng mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu) cho đến khi kết thúc hội là ngày 30/4/2024.

Dây hội thứ hai mở ngày 01/02/2023 với tổng số hội viên là 24 người, số tiền mỗi hội viên đóng 01 tháng là: 3.000.000Đ (Ba triệu). Hình thức đóng tiền là đóng vào ngày 01 hàng tháng, số tiền đóng hàng tháng tùy thuộc vào người hốt hội trước (Gọi là hội chết) thì phải đóng phần tiền lãi mà người hốt hội trước đã thống nhất với các hội viên còn lại. Số tiền đóng hàng tháng bà H có ghi vào sổ theo dõi, nhưng các hội viên không ký tên xác nhận. Dây hội này bà A góp 02 phần nên mỗi tháng phải đóng 6.000.000Đ (Sáu triệu).

Dây hội này bà A hốt hội 02 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 03/02/2023, với số tiền là 50.640.000Đ (Năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn). Số tiền này bà H không giao tiền mặt cho bà A mà chuyển khoản qua Ngân hàng.

+ Lần thứ hai: Vào ngày 04/5/2023, với số tiền là 50.500.000Đ (Năm mươi triệu năm trăm ngàn). Số tiền này bà H không giao tiền mặt cho bà A mà chuyển khoản qua Ngân hàng.

Dây hội này sau khi hốt hội xong bà H phải đóng mỗi tháng 6.000.000Đ (Ba triệu) cho đến khi kết thúc hội là ngày 01/01/2025. Như vậy, tổng số tiền mà bà A đã nhận từ bà H là 147.930.000Đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ngàn).

Tuy nhiên, sau đó thì bà H chỉ đóng cho bà A được đến tháng 9/2023, sang tháng 10/2023 thì bà A không đóng tiền cho bà H nữa.

Như vậy, theo thỏa thuận thì bà A còn thiếu của bà H số tiền của cả 02 dây hội là 117.000.000Đ (Một trăm mười bảy triệu).

Tại tòa án bà H yêu cầu bà A phải trả cho bà H số tiền hội còn phải đóng là 117.000.000Đ (Một trăm mười bảy triệu).

Tại phiên tòa hôm nay bà H có ý kiến: Số tiền mà bà A đã nhận từ bà H là 147.930.000Đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ngàn), nhưng bà A đã đóng cho bà H được 51.000.000Đ (Năm mươi một triệu), còn thiếu lại 96.930.000Đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ngàn) và yêu cầu bà A phải trả cho bà H số tiền hội còn thiếu là 96.930.000Đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ngàn).

Bà TTMA mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay bà A vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà NTH khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà TTMA trả tiền tiền góp hội cho bà H. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện

Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, bà A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Khoản 2 Điều 21; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát và bà A. Bà A không có mặt, không thể hiện ý kiến của mình, không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện. Do đó, HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ kiện.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[2.1] Về yêu cầu của đương sự: Bà A không có mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến của mình, không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện, nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX thấy: Giữa bà H và bà A có giao dịch góp hui với nhau là có thật. Việc này được thể hiện tại các Phiếu chuyển tiền giữa bà H và bà A (Bút lục số: 03,04). Cũng được bà A thừa nhận tại biên bản làm việc với Công an xã HH (Bút lục số:44). Như vậy, theo thỏa thuận bà A có trách nhiệm trả số tiền đã nhận từ bà H theo thỏa thuận của các bên, nhưng bà A đã không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp.

[2.2] Về số tiền đã thực hiện việc giao dịch: Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án thì bà A có tham gia 03 phần hui. Số tiền bà A đã nhận từ bà H là 147.930.000Đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ngàn). Theo thỏa thuận thì bà A có trách nhiệm mỗi tháng góp lại cho bà H 9.000.000Đ (Chín triệu), Tuy nhiên, bà A không thực hiện đầy đủ việc góp tiền hàng tháng cho Hương nên bà H đã nhờ Công an xã HH giải quyết. Tại Công an xã HH, bà A cũng thừa nhận đã không thực hiện đúng cam kết và xin được góp cho bà H mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu), nhưng bà H không đồng ý (Bút lục số: 44). Như vậy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ của mình theo cam kết. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà A thực hiện nghĩa vụ của bà A theo thỏa thuận là có căn cứ.

Bà H ban đầu khởi kiện yêu cầu bà A trả 117.000.000Đ (Một trăm mười bảy triệu) nhưng tại phiên tòa chỉ yêu cầu trả lại 96.930.000Đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ngàn). So với yêu cầu khởi kiện ban đầu là có sự thay đổi yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, sự thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận sự thay đổi này.

Do bà A là người đã vi phạm nghĩa vụ như đã phân tích ở trên, nên việc bà H yêu cầu bà A phải trả cho bà H 96.930.000Đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ngàn) là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H. Buộc bà A trả cho bà H 96.930.000Đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ngàn).

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào Khoản 2 Điều 21; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 274; Điều 275; Khoản 1 Điều 276; Điều 280; Điều 282; Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTH đối với bà TTMA.

Buộc bà TTMA phải trả cho bà NTH 96.930.000Đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà TTMA phải nộp 4.846.000Đ (Bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn) án phí DSST.

Hoàn trả cho NTH số tiền tạm ứng án phí 2.925.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002560 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện Xuyên Mộc.
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn

